

THÔNG BÁO

Về việc trả kết quả rèn luyện học kỳ II năm học 2022-2023

Căn cứ Quyết định số 158/QĐ-CDYT ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang về ban hành Quy chế công tác học sinh, sinh viên,

Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang thông báo về việc trả kết quả rèn luyện học kỳ II, năm học 2022-2023 của các lớp, cụ thể như sau:

1. Danh sách các lớp đánh giá rèn luyện:

- Các lớp Điều dưỡng cao đẳng khóa 14; Cao đẳng điều dưỡng khóa 22;
- Các lớp Dược sĩ cao đẳng khóa 8; Cao đẳng dược khóa 22;
- Lớp Y sĩ 22A1.

(bảng điểm tổng hợp kèm theo).

2. Thời gian tiếp nhận khiếu nại: từ ngày 02/01/2024 đến hết ngày 25/01/2024.

* Trường hợp học sinh, sinh viên có thắc mắc về kết quả trên, liên hệ trực tiếp Thầy Trần Nhật Trường, phòng Công tác Học sinh – Sinh viên để giải quyết.

Sau thời gian trên, nhà trường không giải quyết các khiếu nại liên quan đến kết quả rèn luyện của cá nhân học sinh, sinh viên.

Trên đây là Thông báo của Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang về việc trả kết quả rèn luyện học kỳ II năm học 2022-2023, đề nghị cố vấn học tập các lớp thông báo kết quả rèn luyện đến học sinh, sinh viên lớp mình phụ trách để thực hiện ./.

Nơi nhận:

- Website;
- CVHT;
- Lưu: VT, CTHSSV (Tr).

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Trương Thị Thu Trang

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ RÈN LUYỆN

Học kỳ: 2 Năm học: 2022 - 2023

Lớp: Cao đẳng Dược 22A1

(kèm theo Thông báo số 01 /TB-CDYT ngày 02 tháng 01 năm 2024 của Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang)

TT	MSSV	Họ và tên	Kết quả rèn luyện		Ghi chú
			Điểm RL	Xếp loại	
1	11.03.22.001	Huỳnh Quốc Duy	64	Trung bình	
2	11.03.22.002	Lê Thị Ngọc Duyên	65	Trung bình	
3	11.03.22.003	Lê Nguyễn Anh Dũng	50	Trung bình	
4	11.03.22.004	Dương Nhật Giang	62	Trung bình	
5	11.03.22.005	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	67	Trung bình	
6	11.03.22.006	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	48	Yếu	
7	11.03.22.007	Nguyễn Vinh Hiên	63	Trung bình	
8	11.03.22.008	Đỗ Thị Huỳnh Hương	60	Trung bình	
9	11.03.22.009	Nguyễn Minh Khánh	56	Trung bình	
10	11.03.22.010	Ngô Thị Cẩm Ly	59	Trung bình	
11	11.03.22.011	Tô Thúy Ngân	76	Khá	
12	11.03.22.012	Nguyễn Thị Kim Ngọc	66	Trung bình	
13	11.03.22.013	Ca Nguyễn Quỳnh Nhi	65	Trung bình	
14	11.03.22.016	Phạm Phùng Hương Tâm	58	Trung bình	
15	11.03.22.017	Nguyễn Thị Thanh Thảo	63	Trung bình	
16	11.03.22.018	Phan Trần Thanh Thảo	59	Trung bình	
17	11.03.22.019	Võ Thị Thảo	72	Khá	
18	11.03.22.020	Trương Hữu Thắng	60	Trung bình	
19	11.03.22.021	Nguyễn Huỳnh Thi	59	Trung bình	
20	11.03.22.022	Thái Thị Ngọc Thoan	67	Trung bình	
21	11.03.22.024	Trần Thị Thư	60	Trung bình	
22	11.03.22.025	Nguyễn Hữu Tiên	54	Trung bình	

TT	MSSV	Họ và tên		Kết quả rèn luyện		Ghi chú
				Điểm RL	Xếp loại	
23	11.03.22.026	Võ Trọng	Tín	61	Trung bình	
24	11.03.22.027	Nguyễn Thị Thùy	Trang	65	Trung bình	
25	11.03.22.028	Phạm Dương Diễm	Trang	62	Trung bình	
26	11.03.22.029	Nguyễn Minh	Trí	50	Trung bình	
27	11.03.22.030	Đoàn Thị Hồng	Vẹn	80	Tốt	
28	11.03.22.031	Trương Hoàng Quốc	Việt	59	Trung bình	
29	11.03.22.033	Nguyễn Thúy	Vy	64	Trung bình	
30	11.03.22.097	Lê Thị Mỹ	Tiên	72	Khá	

Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ	Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ
Xuất sắc	0	0.00%		0	0.00%
Tốt	1	3.33%	TB	25	83.33%
Khá	3	10.00%	Yếu	1	3.33%

Danh sách này có 30 HSSV. /

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ RÈN LUYỆN

Học kỳ: 2 Năm học: 2022 - 2023

Lớp: Cao đẳng Dược 22A2

(kèm theo Thông báo số 01 /TB-CDYT ngày 01 tháng 01 năm 2024 của Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang)

TT	MSSV	Họ và tên	Kết quả rèn luyện		Ghi chú
			Điểm RL	Xếp loại	
1	11.03.22.034	Ngô Hoàng Anh	73	Khá	
2	11.03.22.035	Ngô Thị Kim Bằng	62	Trung bình	
3	11.03.22.036	Cao Hữu Dinh	73	Khá	
4	11.03.22.037	Trần Vinh Đạt	52	Trung bình	
5	11.03.22.038	Phan Thị Thúy Hà	57	Trung bình	
6	11.03.22.039	Nguyễn Minh Hải	0	Yếu	
7	11.03.22.040	Huỳnh Ngọc Hân	55	Trung bình	
8	11.03.22.041	Trần Vũ Minh Hiếu	0	Yếu	
9	11.03.22.042	Nguyễn Thị Diễm Hy	89	Tốt	
10	11.03.22.043	Lâm Tăng Quyền Linh	63	Trung bình	
11	11.03.22.044	Nguyễn Trương Đình Luân	63	Trung bình	
12	11.03.22.045	Nguyễn Thị Tuyết Mai	70	Khá	
13	11.03.22.046	Đoàn Thanh Ngân	62	Trung bình	
14	11.03.22.047	Lữ Thị Thanh Ngân	58	Trung bình	
15	11.03.22.048	Nguyễn Thị Kim Ngân	0	Yếu	
16	11.03.22.049	Nguyễn Thị Xuân Nguyệt	64	Trung bình	
17	11.03.22.050	Lê Huỳnh Như	0	Yếu	
18	11.03.22.051	Võ Thị Huỳnh Như	64	Trung bình	
19	11.03.22.052	Trần Thị Như Quỳnh	0	Yếu	
20	11.03.22.053	Nguyễn Quốc Tài	68	Trung bình	
21	11.03.22.054	Võ Thanh Thảo	49	Yếu	
22	11.03.22.055	Võ Thị Như Thảo	65	Trung bình	

TT	MSSV	Họ và tên		Kết quả rèn luyện		Ghi chú
				Điểm RL	Xếp loại	
23	11.03.22.056	Huỳnh Minh	Thiện	67	Trung bình	
24	11.03.22.057	Nguyễn Thị Minh	Thư	64	Trung bình	
25	11.03.22.058	Võ Lê Anh	Thư	60	Trung bình	
26	11.03.22.059	Võ Thị Minh	Thư	0	Yếu	
27	11.03.22.060	Lê Nguyễn Minh	Tiến	69	Trung bình	
28	11.03.22.061	Lưu Ngọc	Trâm	75	Khá	
29	11.03.22.062	Nguyễn Bảo	Trân	64	Trung bình	
30	11.03.22.063	Nguyễn Nhã	Trân	64	Trung bình	
31	11.03.22.064	Trương Nguyễn Quế	Trân	63	Trung bình	
32	11.03.22.065	Trần Thị Ngọc	Trâm	67	Trung bình	
33	11.03.22.066	Mai Thế	Vinh	0	Yếu	
34	11.03.22.067	Dương Thị Hương	Vương	71	Khá	
35	11.03.22.068	Lê Thị Như	Ý	67	Trung bình	

Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ	Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ
Xuất sắc	0	0.00%		0	0.00%
Tốt	1	2.86%	TB	21	60.00%
Khá	5	14.29%	Yếu	8	22.86%

Danh sách này có 35 HSSV./.

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ RÈN LUYỆN

Học kỳ: 2 Năm học: 2022 - 2023

Lớp: Cao đẳng Dược 22A3

(kèm theo Thông báo số 01 /TB-CDYT ngày 02 tháng 01 năm 2024 của Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang)

TT	MSSV	Họ và tên		Kết quả rèn luyện		Ghi chú
				Điểm RL	Xếp loại	
1	11.03.22.069	Nguyễn Hồ Thúy	Anh	74	Khá	
2	11.03.22.070	Phạm Trần Úy	Di	68	Trung bình	
3	11.03.22.071	Đặng Lê Nhựt	Duy	81	Tốt	
4	11.03.22.072	Võ Phú	Điền	68	Trung bình	
5	11.03.22.073	Lê Gia	Hân	68	Trung bình	
6	11.03.22.074	Phạm Xuân	Hồng	69	Trung bình	
7	11.03.22.075	Trần Lê Khánh	Huyền	68	Trung bình	
8	11.03.22.076	Huỳnh Thị Ngọc	Hung	75	Khá	
9	11.03.22.077	Nguyễn Duy	Khánh	65	Trung bình	
10	11.03.22.078	Nguyễn Ngọc Mỹ	Linh	67	Trung bình	
11	11.03.22.079	Phan Thị Ngọc	Loan	69	Trung bình	
12	11.03.22.080	Đào Thị Bích	Ngân	75	Khá	
13	11.03.22.081	Nguyễn Thị Thu	Ngân	68	Trung bình	
14	11.03.22.082	Phạm Phan Thu	Ngân	68	Trung bình	
15	11.03.22.083	Bùi Minh	Ngoan	69	Trung bình	
16	11.03.22.084	Lê Thị Hạnh	Nguyên	62	Trung bình	
17	11.03.22.085	Nguyễn Ngọc Thanh	Nguyên	69	Trung bình	
18	11.03.22.086	Nguyễn Huỳnh Tuyết	Nhi	70	Khá	
19	11.03.22.087	Nguyễn Ngọc Yên	Nhi	79	Khá	
20	11.03.22.088	Trần Ngọc Yên	Nhi	92	Xuất sắc	
21	11.03.22.089	Trương Cao Minh	Nhi	71	Khá	
22	11.03.22.090	Nguyễn Ngọc Huỳnh	Như	74	Khá	

TT	MSSV	Họ và tên		Kết quả rèn luyện		Ghi chú
				Điểm RL	Xếp loại	
23	11.03.22.091	Nguyễn Phong	Phú	83	Tốt	
24	11.03.22.092	Nguyễn Hoàng	Phúc	69	Trung bình	
25	11.03.22.093	Triệu Thanh	Thảo	73	Khá	
26	11.03.22.095	Ngô Trần Phương	Thùy	63	Trung bình	
27	11.03.22.096	Nguyễn Ngọc	Thy	68	Trung bình	
28	11.03.22.098	Nguyễn Thanh	Toàn	70	Khá	
29	11.03.22.099	Dương Ngọc Quế	Trân	70	Khá	
30	11.03.22.100	Nguyễn Hoàng Cẩm	Tuyết	70	Khá	
31	11.03.22.101	Lê Thị Như	Ý	68	Trung bình	

Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ	Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ
Xuất sắc	1	3.23%		0	0.00%
Tốt	2	6.45%	TB	17	54.84%
Khá	11	35.48%	Yếu	0	0.00%

Danh sách này có 31 HSSV./.



BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ RÈN LUYỆN

Học kỳ: 2 Năm học: 2022 - 2023

Lớp: Cao đẳng Dược 22A4

(kèm theo Thông báo số 01 /TB-CDYT ngày 02 tháng 01 năm 2024 của Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang)

TT	MSSV	Họ và tên	Kết quả rèn luyện		Ghi chú
			Điểm RL	Xếp loại	
1	11.03.22.102	Nguyễn Thị Thúy An	59	Trung bình	
2	11.03.22.103	Nguyễn Vân Anh	68	Trung bình	
3	11.03.22.104	Nguyễn Thị Mỹ Dung	59	Trung bình	
4	11.03.22.105	Trần Thị Kim Duyên	67	Trung bình	
5	11.03.22.106	Võ Thị Thanh Hiền	75	Khá	
6	11.03.22.107	Trần Thị Như Huỳnh	58	Trung bình	
7	11.03.22.108	Phạm Quỳnh Kim	64	Trung bình	
8	11.03.22.109	Đặng Thị Bé Lợi	65	Trung bình	
9	11.03.22.110	Nguyễn Tăng Ngọc Mai	64	Trung bình	
10	11.03.22.111	Phạm Thị Mạnh	63	Trung bình	
11	11.03.22.112	Ngô Thị Kim Ngân	63	Trung bình	
12	11.03.22.113	Lê Thị Yến Nhi	66	Trung bình	
13	11.03.22.114	Lê Đỗ Huỳnh Như	59	Trung bình	
14	11.03.22.115	Thái Huỳnh Như	55	Trung bình	
15	11.03.22.116	Lê Thị Hồng Phấn	74	Khá	
16	11.03.22.117	Trần Thị Ngọc Quỳnh	72	Khá	
17	11.03.22.118	Nguyễn Thị Ngọc Thanh	67	Trung bình	
18	11.03.22.119	Cao Thị Mộng Thùy	75	Khá	
19	11.03.22.120	Lê Thị Thư	59	Trung bình	
20	11.03.22.121	Nguyễn Minh Thư	55	Trung bình	
21	11.03.22.122	Trần Thị Anh Thư	65	Trung bình	
22	11.03.22.123	Nguyễn Mỹ Tiên	61	Trung bình	

TT	MSSV	Họ và tên	Kết quả rèn luyện		Ghi chú
			Điểm RL	Xếp loại	
23	11.03.22.124	Trần Lê Khắc Toàn	66	Trung bình	
24	11.03.22.125	Nguyễn Minh Tường	59	Trung bình	
25	11.03.22.126	Phạm Thị Mỹ Uyên	55	Trung bình	
26	11.03.22.127	Trương Khánh Văn	62	Trung bình	
27	11.03.22.128	Nguyễn Thị Thúy Vi	61	Trung bình	
28	11.03.22.129	Nguyễn Thị Yến Vi	58	Trung bình	
29	11.03.22.130	Dương Phạm Thúy Vy	69	Trung bình	
30	11.03.22.132	Đặng Thị Như Ý	57	Trung bình	
31	11.03.22.133	Nguyễn Thị Kim Yến	59	Trung bình	

Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ	Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ
Xuất sắc	0	0.00%		0	0.00%
Tốt	0	0.00%	TB	27	87.10%
Khá	4	12.90%	Yếu	0	0.00%

Danh sách này có 31 HSSV./



BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ RÈN LUYỆN

Học kỳ: 2 Năm học: 2022 - 2023

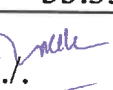
Lớp: Cao đẳng Dược 22A5

(kèm theo Thông báo số 01 /TB-CDYT ngày 02 tháng 01 năm 2024 của Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang)

TT	MSSV	Họ và tên		Kết quả rèn luyện		Ghi chú
				Điểm RL	Xếp loại	
1	11.03.22.134	Lê Trần Minh	An	70	Khá	
2	11.03.22.135	Nguyễn Ngọc Minh	Anh	56	Trung bình	
3	11.03.22.136	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	63	Trung bình	
4	11.03.22.137	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	59	Trung bình	
5	11.03.22.139	Lê Nguyễn Băng	Khanh	76	Khá	
6	11.03.22.140	Nguyễn Minh	Khánh	70	Khá	
7	11.03.22.141	Nguyễn Văn	Khải	83	Tốt	
8	11.03.22.143	Mai Trần Nhạc	Linh	75	Khá	
9	11.03.22.144	Võ Ngọc Thảo	Linh	69	Trung bình	
10	11.03.22.145	Nguyễn Vũ	Luân	79	Khá	
11	11.03.22.146	Nguyễn Thị Yến	Ly	74	Khá	
12	11.03.22.147	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	64	Trung bình	
13	11.03.22.148	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	79	Khá	
14	11.03.22.149	Lê Hoàng Mỹ	Ngọc	62	Trung bình	
15	11.03.22.150	Nguyễn Hồng	Ngọc	55	Trung bình	
16	11.03.22.152	Lê Nguyễn Thanh	Nhi	60	Trung bình	
17	11.03.22.153	Lê Thị Thảo	Nhi	65	Trung bình	
18	11.03.22.154	Tạ Yến	Nhi	54	Trung bình	
19	11.03.22.155	Trần Hoàng	Oanh	76	Khá	
20	11.03.22.156	Đinh À	Thảo	68	Trung bình	
21	11.03.22.157	Phan Phạm Minh	Thông	71	Khá	
22	11.03.22.159	Dương Thị Thùy	Trang	77	Khá	

TT	MSSV	Họ và tên	Kết quả rèn luyện		Ghi chú
			Điểm RL	Xếp loại	
23	11.03.22.160	Nguyễn Thị Bảo Trâm	66	Trung bình	
24	11.03.22.161	Lê Thị Ngọc Tuyên	73	Khá	
25	11.03.22.162	Bùi Thị Cẩm Tú	64	Trung bình	
26	11.03.22.163	Dương Thị Ngân Vy	0	Yếu	
27	11.03.22.164	Nguyễn Khánh Vy	56	Trung bình	
28	11.03.22.165	Trần Thị Tường Vy	64	Trung bình	
29	11.03.22.166	Bùi Trần Hoàng Yên	60	Trung bình	
30	11.03.22.167	Nguyễn Hoàng Phi Long	53	Trung bình	
31	11.03.22.168	Trần Thị Yên Linh	69	Trung bình	
32	11.03.22.169	Nguyễn Thị Huỳnh Như	80	Tốt	
33	11.03.22.226	Đoàn Huy Khang	65	Trung bình	

Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ	Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ
Xuất sắc	0	0.00%		0	0.00%
Tốt	2	6.06%	TB	19	57.58%
Khá	11	33.33%	Yếu	1	3.03%

Danh sách này có 33 HSSV. 



BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ RÈN LUYỆN

Học kỳ: 2 Năm học: 2022 - 2023

Lớp: Cao đẳng Dược 22A6

(kèm theo Thông báo số 01 /TB-CĐYT ngày 01 tháng 01 năm 2024 của Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang)

TT	MSSV	Họ và tên	Kết quả rèn luyện		Ghi chú
			Điểm RL	Xếp loại	
1	11.03.22.170	Lê Duy An	53	Trung bình	
2	11.03.22.175	Phan Thị Ngọc Kim	71	Khá	
3	11.03.22.176	Trần Phi Lam	59	Trung bình	
4	11.03.22.178	Cao Nhựt Linh	55	Trung bình	
5	11.03.22.180	Nguyễn Thị Xuân Mai	69	Trung bình	
6	11.03.22.181	Nguyễn Huỳnh Thảo My	77	Khá	
7	11.03.22.182	Phan Thị Thanh Nga	64	Trung bình	
8	11.03.22.183	Nguyễn Hồng Ngọc	69	Trung bình	
9	11.03.22.187	Trần Thanh Nhã	65	Trung bình	
10	11.03.22.188	Nguyễn Thị Diễm Nhi	0	Yếu	
11	11.03.22.190	Nguyễn Thị Thảo Nhiên	85	Tốt	
12	11.03.22.191	Nguyễn Thị Huỳnh Như	60	Trung bình	
13	11.03.22.192	Nguyễn Lan Phương	80	Tốt	
14	11.03.22.193	Nguyễn Bảo Thắng	47	Yếu	
15	11.03.22.194	Nguyễn Bích Thùy	57	Trung bình	
16	11.03.22.195	Phạm Thị Kim Thùy	58	Trung bình	
17	11.03.22.196	Huỳnh Phan Anh Thư	80	Tốt	
18	11.03.22.197	Lê Thị Minh Thư	53	Trung bình	
19	11.03.22.198	Nguyễn Trần Minh Thư	72	Khá	
20	11.03.22.199	Đông Thị Cẩm Tiên	72	Khá	
21	11.03.22.200	Nguyễn Ngọc Tiên	65	Trung bình	
22	11.03.22.202	Lê Thị Huyền Trăm	83	Tốt	

TT	MSSV	Họ và tên	Kết quả rèn luyện		Ghi chú
			Điểm RL	Xếp loại	
23	11.03.22.203	Nguyễn Ngọc Huyền Trân	64	Trung bình	
24	11.03.22.204	Châu Thị Mỹ Tường	58	Trung bình	
25	11.03.22.205	Nguyễn Hồng Vân	53	Trung bình	

Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ	Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ
Xuất sắc	0	0.00%		0	0.00%
Tốt	4	16.00%	TB	15	60.00%
Khá	4	16.00%	Yếu	2	8.00%

Danh sách này có 25 HSSV./.



BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ RÈN LUYỆN

Học kỳ: 2 Năm học: 2022 - 2023

Lớp: Cao đẳng Dược 22A7

(kèm theo Thông báo số 01 /TB-CDYT ngày 01 tháng 01 năm 2024 của Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang)

TT	MSSV	Họ và tên		Kết quả rèn luyện		Ghi chú
				Điểm RL	Xếp loại	
1	11.03.22.142	Tô Vũ Đăng	Khoa	53	Trung bình	
2	11.03.22.174	Nguyễn Ngọc	Hân	56	Trung bình	
3	11.03.22.177	Châu Thùy	Lan	72	Khá	
4	11.03.22.189	Võ Tuyết	Nhi	56	Trung bình	
5	11.03.22.201	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	69	Trung bình	
6	11.03.22.206	Đào Nguyễn Tấn	Lộc	54	Trung bình	
7	11.03.22.207	Trương Ngọc	Tuyền	52	Trung bình	
8	11.03.22.208	Phan Nguyễn Quỳnh	Anh	65	Trung bình	
9	11.03.22.210	Nguyễn Thị Minh	Thư	77	Khá	
10	11.03.22.212	Đỗ Thị Thảo	Giang	68	Trung bình	
11	11.03.22.213	Nguyễn Phan Ngọc	Nhi	66	Trung bình	
12	11.03.22.214	Hồ Thị Diễm	Thy	66	Trung bình	
13	11.03.22.215	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	64	Trung bình	
14	11.03.22.216	Bùi Anh	Thư	62	Trung bình	
15	11.03.22.217	Nguyễn Ngọc Gia	Bảo	64	Trung bình	
16	11.03.22.218	Nguyễn Thái Kiều	Anh	64	Trung bình	
17	11.03.22.220	Phạm Thị Hồng	Diệu	70	Khá	
18	11.03.22.221	Lê Huỳnh Bảo	Châu	73	Khá	
19	11.03.22.222	Nguyễn Văn Trí	Thiện	74	Khá	
20	11.03.22.223	Trần Ngọc	Thi	71	Khá	
21	11.03.22.224	Phan Như	Băng	79	Khá	
22	11.03.22.225	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	72	Khá	

TT	MSSV	Họ và tên	Kết quả rèn luyện		Ghi chú
			Điểm RL	Xếp loại	
23	11.03.22.229	Lê Nguyễn Thanh Phong	74	Khá	
24	11.03.22.230	Đặng Thị Bích Ngọc	71	Khá	
25	11.03.22.235	Lê Trương Hoàng Yến	51	Trung bình	
26	11.03.22.236	Trần Thị Minh Thư	63	Trung bình	
27	11.03.22.237	Nguyễn Thị Kim Tuyền	62	Trung bình	

Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ	Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ
Xuất sắc	0	0.00%		0	0.00%
Tốt	0	0.00%	TB	17	62.96%
Khá	10	37.04%	Yếu	0	0.00%

Danh sách này có 27 HSSV./. 



BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ RÈN LUYỆN

Học kỳ: 2 Năm học: 2022 - 2023

Lớp: Dược sĩ cao đẳng 8.A1

(kèm theo Thông báo số 01 /TB-CDYT ngày 02 tháng 01 năm 2024 của Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang)

TT	MSSV	Họ và tên	Kết quả rèn luyện		Ghi chú
			Điểm RL	Xếp loại	
1	11.03.21.001	Trần Thuận An	64	Trung bình	
2	11.03.21.002	Phạm Quế Anh	77	Khá	
3	11.03.21.143	Nguyễn Thị Cẩm Châu	67	Trung bình	
4	11.03.21.146	Nguyễn Hà Cẩm Giang	64	Trung bình	
5	11.03.21.003	Ung Nguyễn Diễm Hằng	63	Trung bình	
6	11.03.21.004	Trần Thị Ngọc Hân	68	Trung bình	
7	11.03.21.147	Nguyễn Hoàng Huỳnh Hoa	68	Trung bình	
8	11.03.21.005	Nguyễn Thị Hồng Hương	80	Tốt	
9	11.03.21.006	Võ Mai Kiều Khanh	58	Trung bình	
10	11.03.21.144	Hồ Thị Yên Khoa	70	Khá	
11	11.03.21.007	Võ Ngọc Kthy	58	Trung bình	
12	11.03.21.009	Nguyễn Liên Thảo My	64	Trung bình	
13	11.03.21.011	Bùi Thị Ngọc Ngân	80	Tốt	
14	11.03.21.012	Phạm Huỳnh Như Ngọc	90	Xuất sắc	
15	11.03.21.013	Võ Dương Hạnh Nguyên	69	Trung bình	
16	11.03.21.014	Nguyễn Thanh Nhã	58	Trung bình	
17	11.03.21.015	Lê Thị Hạnh Nhi	56	Trung bình	
18	11.03.21.016	Nguyễn Thị Tú Oanh	78	Khá	
19	11.03.21.018	Mai Quốc Phong	80	Tốt	
20	11.03.21.145	Trần Ngô Linh Sơn	71	Khá	
21	11.03.21.019	Giang Thị Thanh Thảo	63	Trung bình	
22	11.03.21.020	Tạ Nguyễn Phương Thảo	70	Khá	

TT	MSSV	Họ và tên	Kết quả rèn luyện		Ghi chú
			Điểm RL	Xếp loại	
23	11.03.21.021	Võ Xuân Thi	70	Khá	
24	11.03.21.024	Nguyễn Trung Tín	77	Khá	
25	11.03.21.025	Đặng Thị Thùy Trang	86	Tốt	
26	11.03.21.026	Văn Thùy Trang	55	Trung bình	
27	11.03.21.027	Mai Lê Diễm Trinh	78	Khá	
28	11.03.21.028	Lê Thị Ngọc Tuyên	82	Tốt	
29	11.03.21.029	Đặng Thị Thanh Tú	63	Trung bình	
30	11.03.21.030	Nguyễn Thị Tường Vi	70	Khá	
31	11.03.21.031	Đoàn Thị Thúy Vy	69	Trung bình	

Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ	Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ
Xuất sắc	1	3.23%		0	0.00%
Tốt	5	16.13%	TB	16	51.61%
Khá	9	29.03%	Yếu	0	0.00%

Danh sách này có 31 HSSV./.



BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ RÈN LUYỆN

Học kỳ: 2 Năm học: 2022 - 2023

Lớp: Dược sĩ cao đẳng 8.A2

(kèm theo Thông báo số 01 /TB-CDYT ngày 02 tháng 01 năm 2024 của Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang)

TT	MSSV	Họ và tên		Kết quả rèn luyện		Ghi chú
				Điểm RL	Xếp loại	
1	11.03.21.033	Đỗ Thị Kim	Chi	79	Khá	
2	11.03.21.135	Huỳnh Thị Ngọc	Giàu	73	Khá	
3	11.03.21.034	Phạm Lê Thái	Hằng	60	Trung bình	
4	11.03.21.035	Lê Thị Thu	Hương	72	Khá	
5	11.03.21.036	Nguyễn Lê Cẩm	Hương	0	Yếu	
6	11.03.21.037	Nguyễn Thị Thu	Hương	70	Khá	
7	11.03.21.038	Nguyễn Minh	Khang	70	Khá	
8	11.03.21.132	Lê Duy	Khánh	60	Trung bình	
9	11.03.21.039	Nguyễn Tuấn	Khôi	0	Yếu	
10	11.03.21.040	Nguyễn Thị Diễm	Ly	69	Trung bình	
11	11.03.21.041	Võ Hồ Trung	Nam	0	Yếu	
12	11.03.21.042	Nguyễn Thị Kim	Ngân	72	Khá	
13	11.03.21.043	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	63	Trung bình	
14	11.03.21.044	Châu Thị Thảo	Nguyên	72	Khá	
15	11.03.21.045	Lê Thị Thảo	Nguyên	74	Khá	
16	11.03.21.046	Nguyễn Thanh	Nhàn	89	Tốt	
17	11.03.21.047	Ung Thị Yến	Nhi	70	Khá	
18	11.03.21.048	Nguyễn Thành	Phát	70	Khá	
19	11.03.21.050	Lê Thị Ngọc	Quý	69	Trung bình	
20	11.03.21.051	Phan Triệu Vy	Thanh	0	Yếu	
21	11.03.21.054	Nguyễn Minh	Thoại	85	Tốt	
22	11.03.21.055	Nguyễn Bùi Minh	Thư	63	Trung bình	

TT	MSSV	Họ và tên	Kết quả rèn luyện		Ghi chú
			Điểm RL	Xếp loại	
23	11.03.21.056	Lê Thị Cẩm Tiên	74	Khá	
24	11.03.21.057	Nguyễn Thị Diễm Trinh	79	Khá	
25	11.03.21.058	Nguyễn Ngọc Phương Uyên	74	Khá	
26	11.03.21.059	Phan Thảo Vân	70	Khá	
27	11.03.21.060	Nguyễn Lê Ngọc Vy	0	Yếu	
28	11.03.21.061	Nguyễn Thị Huỳnh Xuân	68	Trung bình	

Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ	Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ
Xuất sắc	0	0.00%		0	0.00%
Tốt	2	7.14%	TB	7	25.00%
Khá	14	50.00%	Yếu	5	17.86%

Danh sách này có 28 HSSV./.



BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ RÈN LUYỆN

Học kỳ: 2 Năm học: 2022 - 2023

Lớp: Dược sĩ cao đẳng 8.A3

(kèm theo Thông báo số 01/TB-CDYT ngày 02 tháng 01 năm 2024 của Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang)

TT	MSSV	Họ và tên		Kết quả rèn luyện		Ghi chú
				Điểm RL	Xếp loại	
1	11.03.21.124	Huỳnh Khả	Doanh	62	Trung bình	
2	11.03.21.125	Lê Võ Đức	Duy	55	Trung bình	
3	11.03.21.090	Nguyễn Thị Trúc	Đào	65	Trung bình	
4	11.03.21.062	Phạm Phương	Đào	65	Trung bình	
5	11.03.21.063	Nguyễn Lê Thị Huỳnh	Giao	65	Trung bình	
6	11.03.21.064	Nguyễn Ngọc Mỹ	Hải	65	Trung bình	
7	11.03.21.065	Võ Minh	Hào	62	Trung bình	
8	11.03.21.066	Trương Nguyễn Ngọc	Hân	73	Khá	
9	11.03.21.127	Đặng Gia	Hòa	70	Khá	
10	11.03.21.091	Huỳnh Thị Thanh	Huệ	67	Trung bình	
11	11.03.21.136	Trần Duy	Khang	59	Trung bình	
12	11.03.21.068	Huỳnh Gia	Linh	64	Trung bình	
13	11.03.21.069	Huỳnh Xuân	Mai	70	Khá	
14	11.03.21.128	Phạm Hoàng Ngọc	Mai	64	Trung bình	
15	11.03.21.070	Lưu Kim	Ngân	78	Khá	
16	11.03.21.071	Lê Nguyễn Yến	Ngọc	65	Trung bình	
17	11.03.21.072	Lê Thị Hồng	Nhung	65	Trung bình	
18	11.03.21.073	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	59	Trung bình	
19	11.03.21.074	Nguyễn Huỳnh	Như	69	Trung bình	
20	11.03.21.092	Phan Thị Phương	Quyên	63	Trung bình	
21	11.03.21.076	Phan Lê Ái	Quỳnh	53	Trung bình	
22	11.03.21.077	Lê Quốc	Thái	59	Trung bình	

TT	MSSV	Họ và tên	Kết quả rèn luyện		Ghi chú
			Điểm RL	Xếp loại	
23	11.03.21.078	Tô Đình Thái	74	Khá	
24	11.03.21.079	Trần Ngọc Thảo	65	Trung bình	
25	11.03.21.093	Trần Thị Nguyệt Thu	66	Trung bình	
26	11.03.21.080	Trần Thị Cẩm Tiên	63	Trung bình	
27	11.03.21.088	Bùi Nguyễn Ngọc Trân	62	Trung bình	
28	11.03.21.089	Nguyễn Thị Mỹ Trân	74	Khá	
29	11.03.21.081	Phan Văn Trường	75	Khá	
30	11.03.21.141	Huỳnh Trần Thị Cẩm Tú	53	Trung bình	
31	11.03.21.082	Nguyễn Ngọc Tường Vy	64	Trung bình	
32	11.03.21.086	Phạm Cao Kim Yến	65	Trung bình	
33	11.03.21.087	Trần Đặng Kim Yến	65	Trung bình	

Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ	Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ
Xuất sắc	0	0.00%		0	0.00%
Tốt	0	0.00%	TB	26	78.79%
Khá	7	21.21%	Yếu	0	0.00%

Danh sách này có 33 HSSV./.



BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ RÈN LUYỆN

Học kỳ: 2 Năm học: 2022 - 2023

Lớp: Dược sĩ cao đẳng 8.A4

(kèm theo Thông báo số 01 /TB-CDYT ngày 01 tháng 01 năm 2024 của Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang)

TT	MSSV	Họ và tên		Kết quả rèn luyện		Ghi chú
				Điểm RL	Xếp loại	
1	11.03.21.094	Lê Kim Hoàng	Châu	68	Trung bình	
2	11.03.21.095	Nguyễn Thị Mỹ	Dung	64	Trung bình	
3	11.03.21.096	Lâm Thúy	Duy	62	Trung bình	
4	11.03.21.097	Trần Thị Quý	Đông	63	Trung bình	
5	11.03.21.098	Lê Thị Thúy	Hằng	58	Trung bình	
6	11.03.21.134	Trần Quan	Hung	72	Khá	
7	11.03.21.099	Huỳnh Tuấn	Kiệt	63	Trung bình	
8	11.03.21.100	Nguyễn Ngọc Gia	Kỳ	70	Khá	
9	11.03.21.101	Nguyễn Thị Trúc	Linh	70	Khá	
10	11.03.21.102	Lê Hoàng Minh	Mẫn	77	Khá	
11	11.03.21.104	Phan Trần Hữu	Nghị	64	Trung bình	
12	11.03.21.105	Đặng Thị Như	Ngọc	69	Trung bình	
13	11.03.21.106	Trần Bảo	Ngọc	70	Khá	
14	11.03.21.107	Nguyễn Hoàng Ngọc	Nhi	81	Tốt	
15	11.03.21.108	Phạm Thị Yến	Nhi	78	Khá	
16	11.03.21.122	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	51	Trung bình	
17	11.03.21.121	Nguyễn Tấn	Phát	63	Trung bình	
18	11.03.21.109	Trần Nhựt	Quang	89	Tốt	
19	11.03.21.110	Võ Dương Minh	Tài	80	Tốt	
20	11.03.21.111	Lê Phương Uyên	Thảo	58	Trung bình	
21	11.03.21.112	Trần Thị Anh	Thi	71	Khá	
22	11.03.21.138	Mai Thị Anh	Thư	60	Trung bình	

TT	MSSV	Họ và tên		Kết quả rèn luyện		Ghi chú
				Điểm RL	Xếp loại	
23	11.03.21.133	Lưu Kim	Tiền	70	Khá	
24	11.03.21.113	Trần Huế	Trinh	69	Trung bình	
25	11.03.21.114	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	64	Trung bình	
26	11.03.21.115	Trần Quang Thanh	Tú	85	Tốt	
27	11.03.21.116	Nguyễn Lê Phương	Uyên	64	Trung bình	
28	11.03.21.117	Nguyễn Lâm	Vũ	68	Trung bình	
29	11.03.21.118	Lê Thị Tường	Vy	70	Khá	
30	11.03.21.130	Nguyễn Ngọc Tường	Vy	75	Khá	
31	11.03.21.119	Phan Hồng Phương	Vy	75	Khá	
32	11.03.21.120	Trần Ngọc Thúy	Vy	70	Khá	

Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ	Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ
Xuất sắc	0	0.00%		0	0.00%
Tốt	4	12.50%	TB	16	50.00%
Khá	12	37.50%	Yếu	0	0.00%

Danh sách này có 32 HSSV./.



BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ RÈN LUYỆN

Học kỳ: 2 Năm học: 2022 - 2023

Lớp: Điều dưỡng cao đẳng 14.A1

(kèm theo Thông báo số 01 /TB-CDYT ngày 02 tháng 01 năm 2024 của Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang)

TT	MSSV	Họ và tên	Kết quả rèn luyện		Ghi chú
			Điểm RL	Xếp loại	
1	11.01.21.001	Võ Đăng Duy	64	Trung bình	
2	11.01.21.002	Nguyễn Duy Đức	46	Yếu	
3	11.01.21.003	Phan Đông Giang	60	Trung bình	
4	11.01.21.004	Lai Ngọc Hân	64	Trung bình	
5	11.01.21.006	Huỳnh Thanh Lâm	54	Trung bình	
6	11.01.21.007	Đỗ Thị Mỹ Linh	69	Trung bình	
7	11.01.21.008	Võ Nhật Linh	61	Trung bình	
8	11.01.21.011	Ngô Thị Tuyết Mai	62	Trung bình	
9	11.01.21.012	Nguyễn Hải My	61	Trung bình	
10	11.01.21.013	Dương Thị Kim Ngân	57	Trung bình	
11	11.01.21.057	Nguyễn Mỹ Phương Ngân	65	Trung bình	
12	11.01.21.014	Võ Thị Kim Ngân	63	Trung bình	
13	11.01.21.061	Võ Thị Kim Ngọc	63	Trung bình	
14	11.01.21.015	Nguyễn Thị Ngọc Nhi	67	Trung bình	
15	11.01.21.016	Nguyễn Bình Phương Nhiên	67	Trung bình	
16	11.01.21.018	Phạm Ngọc Như	70	Khá	
17	11.01.21.019	Đặng Thị Kiều Oanh	64	Trung bình	
18	11.01.21.020	Nguyễn Hồng Phúc	56	Trung bình	
19	11.01.21.021	Bùi Thị Thùy Tâm	56	Trung bình	
20	11.01.21.022	Nguyễn Võ Thị Hiếu Thảo	63	Trung bình	
21	11.01.21.023	Võ Thị Mỹ Trinh	63	Trung bình	
22	11.01.21.025	Võ Hoàng Tuấn	63	Trung bình	

TT	MSSV	Họ và tên	Kết quả rèn luyện		Ghi chú
			Điểm RL	Xếp loại	
23	11.01.21.026	Đinh Thị Bích Tuyền	59	Trung bình	
24	11.01.21.027	Lê Nguyễn Quốc Vương	63	Trung bình	
25	11.01.21.028	Nguyễn Ngọc Tường Vy	59	Trung bình	

Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ	Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ
Xuất sắc	0	0.00%		0	0.00%
Tốt	0	0.00%	TB	23	92.00%
Khá	1	4.00%	Yếu	1	4.00%

Danh sách này có 25 HSSV./.



BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ RÈN LUYỆN

Học kỳ: 2 Năm học: 2022 - 2023

Lớp: Điều dưỡng cao đẳng 14.A2

(kèm theo Thông báo số 01 /TB-CDYT ngày 02 tháng 04 năm 2024 của Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang)

TT	MSSV	Họ và tên		Kết quả rèn luyện		Ghi chú
				Điểm RL	Xếp loại	
1	11.01.21.103	Trần Thị Bình	An	69	Trung bình	
2	11.01.21.030	Trần Thu	An	59	Trung bình	
3	11.01.21.031	Lê Thị Hồng	Cúc	68	Trung bình	
4	11.01.19.036 (SBL)	Nguyễn Thúy	Duy	0	Yếu	
5	11.01.21.032	Nguyễn Tiến	Dũng	64	Trung bình	
6	11.01.21.062	Thái Lê Thị Hồng	Gấm	63	Trung bình	
7	11.01.21.059	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	69	Trung bình	
8	11.01.21.098	Nguyễn Đình Thanh	Hằng	70	Khá	
9	11.01.21.034	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	73	Khá	
10	11.01.21.036	Đỗ Văn	Hóa	70	Khá	
11	11.01.21.037	Nguyễn Ngọc	Huyền	63	Trung bình	
12	11.01.21.040	Lê Thị Thủy	Ngân	64	Trung bình	
13	11.01.21.041	Nguyễn Thị Kim	Ngân	59	Trung bình	
14	11.01.21.042	Hồ Thị Yến	Nhi	71	Khá	
15	11.01.21.043	Hồ Tuyết	Nhi	63	Trung bình	
16	11.01.21.044	Trần Thị Yến	Nhi	66	Trung bình	
17	11.01.21.045	Phan Thị Tú	Quyên	59	Trung bình	
18	11.01.21.047	Nguyễn Thị Trúc	Thanh	63	Trung bình	
19	11.01.21.099	Bùi Thị Phương	Thảo	65	Trung bình	
20	11.01.21.048	Trương Ngọc	Thi	59	Trung bình	
21	11.01.21.058	Đỗ Hoàng Bích	Thư	65	Trung bình	
22	11.01.21.050	Huỳnh Thị Minh	Thư	69	Trung bình	

TT	MSSV	Họ và tên		Kết quả rèn luyện		Ghi chú
				Điểm RL	Xếp loại	
23	11.01.18.077 (SBL)	Lê Anh	Thư	0	Yếu	
24	11.01.21.056	Lê Thị Mỹ	Tiên	65	Trung bình	
25	11.01.21.060	Trần Kim	Tuyết	69	Trung bình	
26	11.01.21.054	Hà Đỗ Tiểu	Vinh	59	Trung bình	
27	11.01.21.055	Phan Nguyễn Hoàng	Yến	64	Trung bình	

Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ	Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ
Xuất sắc	0	0.00%		0	0.00%
Tốt	0	0.00%	TB	21	77.78%
Khá	4	14.81%	Yếu	2	7.41%

Danh sách này có 27

HSSV./.



BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ RÈN LUYỆN

Học kỳ: 2 Năm học: 2022 - 2023

Lớp: Điều dưỡng cao đẳng 14.A3

(kèm theo Thông báo số 01 /TB-CDYT ngày 02 tháng 01 năm 2024 của Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang)

TT	MSSV	Họ và tên		Kết quả rèn luyện		Ghi chú
				Điểm RL	Xếp loại	
1	11.01.21.063	Trần Thị Thúy	An	68	Trung bình	
2	11.01.21.115	Nguyễn Văn	Âu	0	Yếu	
3	11.01.21.064	Đặng Thị Mộng	Châu	69	Trung bình	
4	11.01.21.095	Trương Thị Kim	Cương	85	Tốt	
5	11.01.21.096	Trần Thị Mỹ	Dung	64	Trung bình	
6	11.01.21.065	Ngô Thanh	Duy	76	Khá	
7	11.01.21.100	Nguyễn Khánh	Duy	72	Khá	
8	11.01.21.066	Nguyễn Võ Quốc	Duy	66	Trung bình	
9	11.01.21.071	Huỳnh Lê Tấn	Khải	70	Khá	
10	11.01.21.072	Huỳnh Thị Nhật	Lan	86	Tốt	
11	11.01.21.073	Phan Thị Ngọc	Liên	70	Khá	
12	11.01.21.074	Phan Hoài	Linh	78	Khá	
13	11.01.21.075	Trương Thị Hồng	Linh	77	Khá	
14	11.01.21.077	Phạm Nguyễn Hữu	Lộc	72	Khá	
15	11.01.21.078	Trần Thị Diễm	My	63	Trung bình	
16	11.01.21.079	Nguyễn Thị Thảo	Nhi	64	Trung bình	
17	11.01.21.081	Trần Thị Thúy	Oanh	64	Trung bình	
18	11.01.21.101	Trần Tiến	Phát	78	Khá	
19	11.01.21.094	Trà Thị Quỳnh	Quỳnh	64	Trung bình	
20	11.01.21.082	Nguyễn Ngọc Diễm	Quỳnh	70	Khá	
21	11.01.21.083	Nguyễn Thị Thu	Thảo	59	Trung bình	
22	11.01.21.084	Nguyễn Thị Tuyết	Thảo	70	Khá	

TT	MSSV	Họ và tên	Kết quả rèn luyện		Ghi chú
			Điểm RL	Xếp loại	
23	11.01.21.085	Võ Nhật Thông	67	Trung bình	
24	11.01.21.086	Phan Thị Cẩm Thu	69	Trung bình	
25	11.01.21.104	Trần Thanh Tiên	69	Trung bình	
26	11.01.21.089	Võ Thị Mai Trâm	70	Khá	
27	11.01.21.090	Nguyễn Minh Trí	57	Trung bình	
28	11.01.21.091	Phạm Thị Kim Trong	69	Trung bình	

Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ	Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ
Xuất sắc	0	0.00%		0	0.00%
Tốt	2	7.14%	TB	14	50.00%
Khá	11	39.29%	Yếu	1	3.57%

Danh sách này có 28 HSSV./.



BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ RÈN LUYỆN

Học kỳ: 2 Năm học: 2022 - 2023

Lớp: Cao đẳng Điều dưỡng 22A1

(kèm theo Thông báo số 01 /TB-CDYT ngày 02 tháng 01 năm 2024 của Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang)

TT	MSSV	Họ và tên		Kết quả rèn luyện		Ghi chú
				Điểm RL	Xếp loại	
1	11.01.22.001	Võ Thị Thúy	An	58	Trung bình	
2	11.01.22.002	Phạm Nhật	Anh	64	Trung bình	
3	11.01.22.003	Lê Nhựt	Bình	69	Trung bình	
4	11.01.22.004	Nguyễn Thị Hồng	Châu	59	Trung bình	
5	11.01.22.005	Nguyễn Thị Lan	Chi	57	Trung bình	
6	11.01.22.006	Nguyễn Hữu	Duy	63	Trung bình	
7	11.01.22.007	Dương Khắc	Điện	69	Trung bình	
8	11.01.22.008	Huỳnh	Giang	64	Trung bình	
9	11.01.22.009	Đoàn Nguyễn Bảo	Hân	75	Khá	
10	11.01.22.010	Lê Nữ	Hoàng	68	Trung bình	
11	11.01.22.011	Lương Quốc	Huy	55	Trung bình	
12	11.01.22.012	Đinh Thị Lan	Hương	59	Trung bình	
13	11.01.22.013	Lê Thanh	Ngân	64	Trung bình	
14	11.01.22.014	Mai Ngọc	Ngân	59	Trung bình	
15	11.01.22.016	Nguyễn Trọng	Nghĩa	69	Trung bình	
16	11.01.22.017	Phạm Thị Kim	Ngọc	69	Trung bình	
17	11.01.22.018	Trần Thị Thanh	Nhã	0	Yếu	
18	11.01.22.019	Mai Nguyễn Huỳnh	Như	70	Khá	
19	11.01.22.020	Lê Thị Kim	Phụng	63	Trung bình	
20	11.01.22.021	Huỳnh Thụy Trúc	Phương	54	Trung bình	
21	11.01.22.022	Nguyễn Thị Tuyết	Phương	0	Yếu	
22	11.01.22.023	Đinh Hồng Nhuận	Tâm	64	Trung bình	

TT	MSSV	Họ và tên	Kết quả rèn luyện		Ghi chú
			Điểm RL	Xếp loại	
23	11.01.22.025	Phạm Thị Thảo	54	Trung bình	
24	11.01.22.026	Nguyễn Thị Mộng Thủy	58	Trung bình	
25	11.01.22.027	Châu Minh Thư	77	Khá	
26	11.01.22.028	Đinh Ngọc Anh Thư	0	Yếu	
27	11.01.22.029	Nguyễn Thị Anh Thư	54	Trung bình	
28	11.01.22.030	Trần Thị Thùy Trang	72	Khá	
29	11.01.22.031	Lê Thị Ngọc Trân	65	Trung bình	
30	11.01.22.032	Trần Đình Trí	0	Yếu	
31	11.01.22.033	Cù Thị Như Tuyết	70	Khá	
32	11.01.22.034	Hồ Thị Thanh Tuyền	53	Trung bình	
33	11.01.22.035	Phan Minh Tú	58	Trung bình	
34	11.01.22.036	Nguyễn Thị Kim Yến	64	Trung bình	

Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ	Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ
Xuất sắc	0	0.00%		0	0.00%
Tốt	0	0.00%	TB	25	73.53%
Khá	5	14.71%	Yếu	4	11.76%

Danh sách này có 34 HSSV./.

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ RÈN LUYỆN

Học kỳ: 2 Năm học: 2022 - 2023

Lớp: Cao đẳng Điều dưỡng 22A2

(kèm theo Thông báo số 01 /TB-CDYT ngày 02 tháng 04 năm 2024 của Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang)

TT	MSSV	Họ và tên		Kết quả rèn luyện		Ghi chú
				Điểm RL	Xếp loại	
1	11.01.21.005 (SBL)	Nguyễn Thị Diễm	Hương	0	Yếu	
2	11.01.21.049 (SBL)	Võ Thy	Thọ	0	Yếu	
3	11.01.22.037	Dương Bình	Ân	85	Tốt	
4	11.01.22.038	Phạm Nguyễn Thị	Cầm	80	Tốt	
5	11.01.22.039	Phạm Trí	Dũng	66	Trung bình	
6	11.01.22.040	Nguyễn Tấn	Đạt	67	Trung bình	
7	11.01.22.041	Huỳnh Thị	Điệp	59	Trung bình	
8	11.01.22.043	Lê Thị Kim	Hồng	83	Tốt	
9	11.01.22.044	Võ Thị Ngọc	Huyền	76	Khá	
10	11.01.22.046	Lê Thị Mỹ	Kiều	56	Trung bình	
11	11.01.22.047	Huỳnh Chí	Mẫn	77	Khá	
12	11.01.22.048	Ngô Thị Diễm	Mi	63	Trung bình	
13	11.01.22.049	Huỳnh Thị Kim	Mơ	77	Khá	
14	11.01.22.050	Nguyễn Kim	Ngân	72	Khá	
15	11.01.22.051	Nguyễn Huỳnh Mộng	Nghi	51	Trung bình	
16	11.01.22.052	Nguyễn Ngọc Kiều	Oanh	70	Khá	
17	11.01.22.053	Phạm Dương Hoàng	Phúc	60	Trung bình	
18	11.01.22.054	Nguyễn Thu	Thảo	79	Khá	
19	11.01.22.055	Nguyễn Anh	Thư	69	Trung bình	
20	11.01.22.056	Trương Thị Anh	Thư	76	Khá	
21	11.01.22.057	Nguyễn Hoàng Minh	Tiến	75	Khá	
22	11.01.22.058	Đổng Thị Ánh	Tuyết	65	Trung bình	

TT	MSSV	Họ và tên	Kết quả rèn luyện		Ghi chú
			Điểm RL	Xếp loại	
23	11.01.22.059	Phạm Ngọc Tuyền	72	Khá	
24	11.01.22.060	Phạm Thị Cẩm Tú	60	Trung bình	
25	11.01.22.061	Mai Thanh Uyên	72	Khá	
26	11.01.22.067	Lê Thị Thảo Nguyên	80	Tốt	
27	11.03.22.014 (CN)	Nguyễn Ngọc Mai Phương	0	Yếu	

Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ	Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ
Xuất sắc	0	0.00%		0	0.00%
Tốt	4	14.81%	TB	10	37.04%
Khá	10	37.04%	Yếu	3	11.11%

Danh sách này có 27 HSSV./.



BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ RÈN LUYỆN

Học kỳ: 2 Năm học: 2022 - 2023

Lớp: Cao đẳng Điều dưỡng 22A3

(kèm theo Thông báo số 01 /TB-CDYT ngày 02 tháng 01 năm 2024 của Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang)

TT	MSSV	Họ và tên		Kết quả rèn luyện		Ghi chú
				Điểm RL	Xếp loại	
1	11.01.22.063	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	58	Trung bình	
2	11.01.22.084	Trần Thị Thanh	Duyên	49	Yếu	
3	11.01.22.096	Phạm Hoài	Bảo	58	Trung bình	
4	11.01.22.092	Ngô Thị Tiểu	Cần	59	Trung bình	
5	11.01.22.078	Trần Thị Ngọc	Hân	67	Trung bình	
6	11.01.22.093	Đinh Nguyễn Khánh	Hoài	58	Trung bình	
7	11.01.22.088	Nguyễn Minh	Hương	55	Trung bình	
8	11.01.22.064	Trần Duy	Khanh	77	Khá	
9	11.01.22.065	Nguyễn Quốc	Khánh	74	Khá	
10	11.01.22.081	Trương Tuấn	Kiệt	59	Trung bình	
11	11.01.22.095	Trần Phan Duy	Lâm	80	Tốt	
12	11.01.22.077	Phan Ngọc Như	Lý	77	Khá	
13	11.01.22.087	Trần Hoàng	Nam	83	Tốt	
14	11.01.22.066	Nguyễn Thị Kim	Ngân	72	Khá	
15	11.01.22.083	Nguyễn Thị	Ngoãn	63	Trung bình	
16	11.01.22.094	Đặng Thị Trinh	Nguyên	59	Trung bình	
17	11.01.22.068	Trần Ngọc	Nguyệt	70	Khá	
18	11.01.22.085	Nguyễn Thanh	Nhuận	60	Trung bình	
19	11.01.22.069	Trần Nguyễn Hồng	Phương	69	Trung bình	
20	11.01.22.071	Lê Minh	Thành	70	Khá	
21	11.01.22.091	Nguyễn Thị Phương	Thảo	67	Trung bình	
22	11.01.22.072	Phan Dương Hữu	Thắng	56	Trung bình	

TT	MSSV	Họ và tên		Kết quả rèn luyện		Ghi chú
				Điểm RL	Xếp loại	
23	11.01.22.073	Nguyễn Thị Nguyên	Thuật	76	Khá	
24	11.01.22.074	La Xuân	Thùy	74	Khá	
25	11.01.22.082	Nguyễn Đăng Bảo	Trân	59	Trung bình	
26	11.01.22.089	Nguyễn Đoàn Phương	Trình	57	Trung bình	
27	11.01.22.075	Nguyễn Khắc	Trí	77	Khá	
28	11.01.22.079	Phạm Nhật	Trường	55	Trung bình	
29	11.01.22.076	Nguyễn Thị Thu	Tuyền	65	Trung bình	
30	11.01.22.080	Huỳnh Ngọc Thúy	Vân	70	Khá	
31	11.01.22.090	Nguyễn Thành	Vinh	51	Trung bình	

Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ	Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ
Xuất sắc	0	0.00%		0	0.00%
Tốt	2	6.45%	TB	18	58.06%
Khá	10	32.26%	Yếu	1	3.23%

Danh sách này có 31 HSSV.



BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ RÈN LUYỆN

Học kỳ: 2 Năm học: 2022 - 2023

Lớp: Y sĩ 22A1

(kèm theo Thông báo số 01 /TB-CDYT ngày 02 tháng 01 năm 2024 của Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang)

TT	MSSV	Họ và tên		Kết quả rèn luyện		Ghi chú
				Điểm RL	Xếp loại	
1	21.06.22.001	Lâm	Anh	64	Trung bình	
2	21.06.22.002	Lê Ngọc Vân	Anh	64	Trung bình	
3	21.06.22.003	Trần Tuấn	Anh	64	Trung bình	
4	21.06.22.004	Nguyễn Quốc	Cường	66	Trung bình	
5	21.06.22.005	Nguyễn Ngọc Triều	Dương	63	Trung bình	
6	21.06.22.006	Nguyễn Thị Thu	Hà	63	Trung bình	
7	21.06.22.007	Phan Nhật	Hào	64	Trung bình	
8	21.06.22.033	Lê Bảo	Hân	64	Trung bình	
9	21.06.22.008	Phạm Thụy Ngọc	Hân	89	Tốt	
10	21.06.22.009	Ngô Văn	Huân	74	Khá	
11	21.06.22.039	Lê Gia	Huy	68	Trung bình	
12	21.06.22.010	Phan Thị Kim	Hương	69	Trung bình	
13	21.06.22.011	Nguyễn Trọng	Hưởng	62	Trung bình	
14	21.06.22.037	Lê Thanh	Khang	68	Trung bình	
15	21.06.22.012	Nguyễn Duy	Khang	64	Trung bình	
16	21.06.22.013	Hồ Duy	Khôi	64	Trung bình	
17	21.06.22.014	Nguyễn Hữu	Lộc	64	Trung bình	
18	21.06.22.015	Nguyễn Thành	Luân	64	Trung bình	
19	21.06.22.031	Nguyễn Thị Hồng	Ngân	67	Trung bình	
20	21.06.22.016	Đặng Huỳnh Trọng	Nghĩa	64	Trung bình	
21	21.06.22.034	Đặng Anh	Nhân	63	Trung bình	
22	21.06.22.017	Nguyễn Đức	Phát	68	Trung bình	

TT	MSSV	Họ và tên		Kết quả rèn luyện		Ghi chú
				Điểm RL	Xếp loại	
23	21.06.22.018	Nguyễn Phan Kỳ	Quốc	64	Trung bình	
24	21.06.22.019	Lê An	Song	68	Trung bình	
25	21.06.22.029	Hồ Hoàng	Thịnh	64	Trung bình	
26	21.06.22.020	Nguyễn Thị Bích	Thùy	64	Trung bình	
27	21.06.22.021	Ngô Thị Hồng	Thy	76	Khá	
28	21.06.22.035	Trần Mỹ	Tiên	64	Trung bình	
29	21.06.22.022	Ngô Nhựt	Tiến	64	Trung bình	
30	21.06.22.023	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	74	Khá	
31	21.06.22.024	Ngô Thị Mộng	Trinh	72	Khá	
32	21.06.22.025	Đoàn Minh	Trí	64	Trung bình	
33	21.06.22.026	Phạm Thị Thanh	Tuyền	75	Khá	
34	21.06.22.032	Ngô Vũ	Văn	63	Trung bình	
35	21.06.22.036	Nguyễn Dương Mộng	Vân	72	Khá	
36	21.06.22.027	Nguyễn Quốc	Việt	60	Trung bình	
37	21.06.22.038	Nguyễn Ngân Tường	Vy	81	Tốt	
38	21.06.22.030	Nguyễn Thị Thảo	Vy	69	Trung bình	
39	21.06.22.028	Bùi Thị	Xuyến	74	Khá	

Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ	Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ
Xuất sắc	0	0.00%		0	0.00%
Tốt	2	5.13%	TB	30	76.92%
Khá	7	17.95%	Yếu	0	0.00%

Danh sách này có 39 HSSV./.